TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN CHÂU** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/DS-ST
Ngày: 26-01-2018
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Văn On.

Các Hội thẩm nhân dân dân:

Ông Nguyễn Văn Cư.

Bà Võ Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Công Minh là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 Tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 94/2017/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp "Hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 453/2017/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Bé S (tự T), sinh năm 1982.

Cư trú tại: ấp L, xã LA, thị xã T, tỉnh An Giang. (có mặt).

- *Bị đơn*: Bà Trần Thị T, sinh năm 1982. (có mặt)

Ông Nguyễn Tấn T, sinh năm 1976. (vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Cùng cư trú tại: khóm LQ B, phường LP, thị xã T, tỉnh An Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Đặng Thị Mỹ L, sinh năm 1982. Cư trú tại: Tổ 22, khóm Long Thạnh A, phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. (vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 29 tháng 9 năm 2917, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà

Nguyễn Thị Bé S trình bày: Ngày 09/4/2016 âm lịch bà có làm chủ một đầu hụi, mỗi chân hụi là 2.000.000 đồng, gồm 20 hụi viên, vợ chồng bà Trần Thị T, ông Nguyễn Tấn T có tham gia chơi một chân hụi, mỗi tháng khui hụi một lần, hụi khui được đến lần thứ 6 thì bà T ông T hốt hụi được số tiền là 32.640.000 đồng, sau đó bà T ông T có đóng hụi chết được 08 lần thì ngưng cho đến nay, hiện còn nợ lại 06 lần hụi chết chưa đóng là 12.000.000 đồng.

Ngoài ra, bà T ông T còn tham gia chơi một chân hụi do bà Đặng Thị Mỹ L làm chủ, mỗi chân hụi 3.000.000 đồng, hụi mở ngày 16/01/2017 âm lịch, mỗi tháng khui hụi một lần, gồm 19 hụi viên, bà T ông T đóng hụi sống đến lần thứ 2 và đến lần thứ 3 thì bà T ông T có yêu cầu hốt hụi nhưng bà T ông T không hốt được hụi nên đã bán hụi lại cho bà Nguyễn Thị Bé S, bà S và bà T, ông T thỏa thuận mỗi tháng bà T ông T thua lỗ 750.000 đồng/chân hụi, theo đó bà S giao cho vợ chồng bà T ông T số tiền mua hụi là 41.200.000 đồng, trong đó tiền hụi gốc = 2.250.000 đồng x 16 chân hụi còn sống = 36.000.000 đồng và tiền hụi của 02 chân hụi đã đóng 6.000.000 đồng (có tiền lời), tổng cộng = 42.000.000 đồng (trừ số tiền hoa hồng 800.000 đồng) còn lại 41.200.000 đồng bà S đã giao đủ cho bà T, ông T. Sau đó đến tháng 5/2017 bà T ông T có đóng lại 01 lần hụi chết = 3.000.000 đồng cho bà Đặng Thị Mỹ L (trong đó số tiền lời do hụi viên bỏ khui hụi hốt là 810.000 đồng) số tiền này bà L đã giao đủ cho bà S, số tiền còn lại 2.190.000 đồng, bà L giao lại cho các hụi viên khác, bà T ông T ngưng đóng hụi chết cho đến nay. Như vậy bà T ông T còn nợ bà S số tiền 40.390.000 đồng (41.200.000 đồng - 810.000 đồng = 40.390.000 đồng). Tổng cộng số tiền bà T, ông T còn nợ bà S tiền của 02 dây hụi trên = 52.390.000 đồng. Yêu cầu vợ chồng bà T, ông T cùng có trách nhiệm trả số tiền 52.390.000 đồng, không tính lãi phát sinh.

Bị đơn bà Trần Thị T trình bày: Bà có vô một chân hụi trong đầu hụi của bà Nguyễn Thị Bé S (tự T) làm chủ, đầu hụi do bà S làm chủ, mỗi chân hụi là 2.000.000 đồng, mở ngày 09/4/2016 âm lịch, mỗi tháng khui hụi một lần, tổng số gồm 20 hụi viên, hụi khui được đến lần thứ 6 thì vợ chồng bà hốt hụi, do lâu quá bà không nhớ hốt hụi được bao nhiêu tiền, chỉ nhớ còn nợ lại bà S 06 lần hụi chết chưa đóng là 12.000.000 đồng.

Ngoài ra, bà còn tham gia chơi một đầu hụi do bà Đặng Thị Mỹ L làm chủ, mỗi chân hụi là 3.000.000 đồng, hụi mở ngày 16/01/2017 âm lịch, mỗi tháng khui hụi một lần, tổng số có 19 hụi viên, hụi khui được 02 lần, đến khui hụi lần thứ 03 thì vợ chồng bà định hốt hụi nhưng không hốt được hụi nên đã bán hụi lại cho bà S, bà và bà S thỏa thuận là mỗi tháng bà thua lỗ 750.000 đồng/đầu hụi, theo đó bà S đã giao đủ tiền cho vợ chồng bà số tiền mua hụi = 41.200.000 đồng, bao gồm tiền hụi gốc 2.250.000 đồng x 16 chân hụi còn sống = 36.000.000 đồng và tiền hụi của 02 chân hụi phải đóng = 6.000.000 đồng (có tiền lời), tổng cộng = 42.000.000 đồng (trừ số tiền hoa hồng 800.000 đồng), còn lại 41.200.000 đồng, bà S đã giao đủ tiền cho vợ chồng bà. Sau đó, đến tháng 5/2017 vợ chồng bà có châu lại 01 lần hụi chết = 3.000.000 đồng cho bà Đặng Thị Mỹ L, (trong đó số tiền lời do hụi viên bỏ khui hốt là 810.000 đồng), số tiền này bà L có giao đủ tiền lại cho bà S hay không thì không rõ và vợ chồng bà đã ngưng châu hụi chết cho đến nay, vợ chồng

bà xác nhận còn nợ bà S tiền 02 đầu hụi là 40.390.000 đồng + 12.000.000 đồng = 52.390.000 đồng. Do hoàn cảnh kinh tế gia đình gặp khó khăn, xin trả cho bà S mỗi tháng = 300.000đ cho đến khi dứt số tiền còn nợ.

Bị đơn ông Nguyễn Tấn T trình bày: Ông Nguyễn Tấn T có đơn yêu cầu hòa giải, xét xử vắng mặt nên không ghi nhận ý kiến nhưng Tòa án đã tiến hành lấy lời khai, thể hiện ý chí ông T cũng thống nhất số tiền vợ chồng ông T, bà T còn nợ bà Nguyễn Thị Bé S là 52.390.000 đồng và đồng ý cùng vợ là Trần Thị T có trách nhiệm trả cho bà S số tiền trên, nhưng do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, xin trả mỗi tháng 300.000 đồng cho đến khi dứt số tiền còn nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị Mỹ L trình bày: Bà Đặng Thị Mỹ L có đơn yêu cầu hòa giải, xét xử vắng mặt nên không ghi nhận ý kiến nhưng có bản tự khai cung cấp cho Tòa án thể hiện ý chí bà L có làm chủ một đầu hụi 3.000.000 đồng, mở ngày 16/01/2017 âm lịch, mỗi tháng khui một lần, tổng số có 19 phần, trong đó vợ chồng bà T ông T tham gia 01 phần, bà T ông T đóng hụi sống đến lần thứ 2 thì lần thứ 3 bà T ông T không hốt được hụi nên bán hụi lại cho bà Bé S như trình bày trên đây của bà T, bà S.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Tòa án đã tuân thủ đúng pháp luật về thủ tục theo quy định tại điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến khi giải quyết vụ án. Đối với các đương sự thì thực hiện đúng theo quy định tại các điều 70, 71, 72, 73 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Ngày 09/4/2016 âm lịch bà Nguyễn Thị Bé S có làm chủ một đầu hụi, mỗi chân hụi là 2.000.000 đồng, gồm 20 hụi viên, vợ chồng bà Trần Thị T, ông Nguyễn Tấn T có tham gia chơi một chân hụi, mỗi tháng khui hụi một lần, hụi khui được đến lần thứ 6 thì bà T ông T hốt hụi được số tiền là 32.640.000 đồng, sau đó bà T ông T có đóng hụi chết được 08 lần thì ngưng cho đến nay, hiện còn nợ lại 06 lần hụi chết chưa đóng là 12.000.000 đồng.

Ngoài ra, bà T ông T còn tham gia chơi một chân hụi do bà Đặng Thị Mỹ L làm chủ, mỗi chân hụi 3.000.000 đồng, hụi mở ngày 16/01/2017 âm lịch, mỗi tháng khui hụi một lần, gồm 19 hụi viên, bà T ông T đóng hụi sống đến lần thứ 2 và đến lần thứ 3 thì bà T ông T có yêu cầu hốt hụi nhưng bà T ông T không hốt được hụi nên đã bán hụi lại cho bà Nguyễn Thị Bé S, bà S và bà T, ông T thỏa thuận mỗi tháng bà T ông T thua lỗ 750.000 đồng/chân hụi, theo đó bà S giao cho vợ chồng bà T ông T đủ số tiền mua hụi là 41.200.000đ, trong đó tiền hụi gốc = 2.250.000 đồng x 16 chân hụi còn sống = 36.000.000 đồng và tiền hụi của 02 lần hụi đã đóng 6.000.000 đồng (có tiền lời), tổng cộng = 42.000.000 đồng (trừ số tiền hoa hồng 800.000 đồng) còn lại 41.200.000 đồng bà S đã giao đủ cho bà T, ông T. Sau đó, đến tháng 5/2017 bà T ông T có đóng lại 01 lần hụi chết = 3.000.000 đồng cho bà Đặng Thị Mỹ L (trong đó số tiền lời do hụi viên bỏ khui hụi hốt là 810.000 đồng) số tiền này bà L đã giao đủ cho bà S, số tiền còn lại 2.190.000 đồng bà L giao lại cho các hụi viên khác, bà T ông T ngưng đóng hụi chết cho đến nay. Như vậy, bà T ông T còn nợ bà S số tiền 40.390.000 đồng (41.200.000 đồng - 810.000

đồng = 40.390.000 đồng). Tổng cộng số tiền bà T, ông T còn nợ bà S tiền của 02 đầu hụi trên = 52.390.000 đồng. Yêu cầu vợ chồng bà T, ông T cùng có trách nhiệm trả số tiền 52.390.000 đồng, không tính lãi phát sinh.

Bà Trần Thị T, ông Nguyễn Tấn T xác nhận còn nợ bà Nguyễn Thị Bé S tiền 02 đầu hụi là 40.390.000 đồng + 12.000.000 đồng = 52.390.000 đồng. Do hoàn cảnh kinh tế gia đình gặp khó khăn, xin trả cho bà S mỗi tháng = 300.000 đồng cho đến khi dứt số tiền còn nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị Mỹ L trình bày: Bà có làm chủ một đầu hụi 3.000.000 đồng, mở ngày 16/01/2017 âm lịch, mỗi tháng khui một lần, gồm 19 hụi viên, trong đó vợ chồng bà T ông T tham gia 01 chân hụi, bà T ông T đóng hụi sống đến lần thứ 2 thì lần thứ 3 bà T ông T dự định hốt hụi nhưng bà T ông T không hốt được hụi nên bán hụi lại cho bà Nguyễn Thị Bé S và vợ chồng bà T ông T còn nợ lại bà S số tiền = 40.390.000 đồng

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc bà Trần Thị T, ông Nguyễn Tấn T phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Bé S số tiền nợ hụi là 52.390.000 đồng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu nhận định vụ án như sau: Tranh chấp hợp đồng góp hụi giữa bà Nguyễn Thị Bé S với bà Trần Thị T, ông Nguyễn Tấn T và bà Đặng Thị Mỹ L theo quy định pháp luật đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân.

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có mặt, bị đơn bà Trần Thị T có mặt, bị đơn ông Nguyễn Tấn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, phiên tòa tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án tranh chấp "Hợp đồng góp hụi" giữa bà Nguyễn Thị Bé S với ông Nguyễn Tấn T, bà Trần Thị T và bà Đặng Thị Mỹ L được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 29 tháng 09 năm 2017 bà Nguyễn Thị Bé S có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng góp hụi được quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì tranh chấp hợp đồng góp hụi của bà Nguyễn Thị Bé S còn trong thời hiệu khởi kiện.

[4] Tại khoản 1 Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: Họ, hụi, biêu, phường (sau đây gọi chung là họ) là hình thức giao dịch về T sản theo tập quán trên cơ sở thỏa thuận của một nhóm người tập hợp nhau lại cùng định ra số người, thời gian, số tiền hoặc T sản khác, thể thức góp, lĩnh họ và quyền, nghĩa vụ của các thành viên.

[5] Bà Nguyễn Thị Bé S yêu cầu bà Trần Thị T, ông Nguyễn Tấn T phải có trách nhiệm phải có trách nhiệm trả số tiền nợ hụi = 52.390.000 đồng.

[6] Bà Trần Thị T, ông Nguyễn Tấn T xác nhận còn nợ bà Nguyễn Thị Bé S tiền 02 đầu hụi là 40.390.000 đồng + 12.000.000 đồng = 52.390.000 đồng. Do hoàn cảnh kinh tế gia đình gặp khó khăn, xin trả cho bà S mỗi tháng = 300.000 đồng cho đến khi dứt số tiền còn nợ.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc bà Trần Thị T, ông Nguyễn Tấn T phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Bé S số tiền nợ hụi là 52.390.000 đồng

Hội đồng xét xử nhận thấy, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở xem xét và phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

[8] Hội đồng xét xử xét thấy, ngày 09/4/2016 âm lịch bà Nguyễn Thị Bé S có làm chủ một đầu hụi, mỗi chân hụi là 2.000.000 đồng, gồm 20 hụi viên, vợ chồng bà Trần Thị T, ông Nguyễn Tấn T có tham gia chơi một chân hụi, mỗi tháng khui hụi một lần, hụi khui được đến lần thứ 6 thì bà T ông T hốt hụi được số tiền là 32.640.000 đồng, sau đó bà T, ông T có đóng hụi chết được 08 lần thì ngưng cho đến nay, hiện còn nợ lại 06 lần hụi chết chưa đóng là 12.000.000 đồng.

Ngoài ra, bà T ông T còn tham gia chơi một chân hụi do bà Đặng Thị Mỹ L làm chủ, mỗi chân hụi 3.000.000 đồng, hụi mở ngày 16/01/2017 âm lịch, mỗi tháng khui hụi một lần, gồm 19 hụi viên, bà T ông T đóng hụi sống đến lần thứ 2 và đến lần thứ 3 thì bà T ông T có yêu cầu hốt hụi nhưng bà T ông T không hốt được hụi nên đã bán hụi lại cho bà Nguyễn Thị Bé S, bà S và bà T, ông T thỏa thuận mỗi tháng bà T ông T thua lỗ 750.000 đồng/chân hụi, theo đó bà S giao cho vợ chồng bà T, ông T số tiền mua hụi là 41.200.000 đồng, trong đó tiền hụi gốc = 2.250.000 đồng x 16 chân hụi còn sống = 36.000.000 đồng và tiền hụi của 02 chân hụi đã đóng 6.000.000 đồng (có tiền lời), tổng cộng = 42.000.000 đồng (trừ số tiền hoa hồng 800.000 đồng) còn lại 41.200.000 đồng bà S đã giao đủ cho bà T, ông T. Sau đó, đến tháng 5/2017 bà T ông T có đóng lại 01 lần hụi chết = 3.000.000 đồng cho bà Đặng Thị Mỹ L (trong đó số tiền lời do hụi viên bỏ khui hụi hốt là 810.000 đồng) số tiền này bà L đã giao đủ cho bà S, số tiền còn lại 2.190.000 đồng, bà L giao lại cho các hụi viên khác, bà T ông T ngưng đóng hụi chết cho đến nay. Như vậy, bà T ông T còn nợ bà S số tiền 40.390.000 đồng (41.200.000 đồng - 810.000 đồng = 40.390.000 đồng). Tổng cộng số tiền bà T, ông T còn nợ bà S tiền của 02 dây hụi trên = 52.390.000 đồng. Yêu cầu vợ chồng bà T, ông T cùng có trách nhiệm trả số tiền 52.390.000 đồng, không tính lãi phát sinh. Tại phiên tòa hôm nay, bà T ông T xác nhận có chơi hụi do bà S làm chủ và bán hụi cho bà S, hiện còn nợ lại bà S số tiền hụi là 52.390.000 đồng. Do hoàn cảnh kinh tế gia đình gặp khó khăn, xin trả cho bà S mỗi tháng 300.000 đồng cho đến khi dứt số tiền còn nợ. Hội đồng xét xử không xem xét việc thanh toán số tiền nợ hụi một lần hay nhiều lần, mà nghĩ đến khi bản án có hiệu lực pháp luật, cơ quan Thi hành án dân sự thị xã

Tân Châu sẽ căn cứ vào điều kiện hoàn cảnh thực tế mà định ra mức thi hành án cho phù hợp pháp luật.

[9] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Trần Thị T, ông Nguyễn Tấn T phải chịu 2.619.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Bé S (tự T) 1.309.000 đồng tiền tạm ứng án tại biên lai thu số 0012521 ngày 02 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu tỉnh An Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé S (tự T) yêu cầu bị đơn bà Trần Thị T, ông Nguyễn Tấn T phải có trách nhiệm trả số tiền nợ hụi.

2. Buộc bà Trần Thị T, ông Nguyễn Tấn T phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Bé S (tự T) số tiền 52.390.000 đồng (Năm mươi hai triệu ba trăm chín mươi ngàn đồng).

3. Về án phí: Bà Trần Thị T, ông Nguyễn Tấn T phải chịu 2.619.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Bé S (tự T) 1.309.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0012521 ngày 02 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Văn On

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND thị xã Tân Châu;
- Chi cục THADS thị xã Tân Châu;
- Các đương sự (để thi hành)
- Lưu: Hồ sơ vụ án, V.Phòng.